

THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

MỘT YÊU CẦU TẤT YẾU TRONG CÁCH MẠNG

GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở NƯỚC TA

TRẦN ĐỨC CƯỜNG*

Trong lịch sử hàng nghìn năm xây dựng và bảo vệ đất nước của nhân dân ta, việc xây dựng quân đội, củng cố và tăng cường lực lượng quốc phòng có vị trí vô cùng quan trọng. Hình thành và phát triển trên một vùng đất luôn phải đối phó với các cuộc chiến tranh xâm lược, dân tộc Việt Nam luôn chú trọng đến việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang bao gồm cả quân đội thường trực và lực lượng dân binh, nhằm làm nòng cốt cho các cuộc chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước.

Xây dựng luôn kết hợp với bảo vệ đất nước. Sự vững mạnh về kinh tế, ổn định về chính trị, đồng thời mạnh cả về quân sự và văn hoá luôn là những đòi hỏi cấp thiết trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Không có sự đồng bộ, hoặc yếu kém về các lĩnh vực quan trọng này đã là nguyên nhân dẫn đến việc mất nước trước sự xâm lược của giặc ngoại xâm ở thế kỷ thứ II trước công nguyên, thế kỷ thứ XV và thế kỷ XIX.

Thực tiễn lịch sử dân tộc đã chứng tỏ: Khi đất nước rơi vào tay giặc ngoại xâm, dân tộc Việt Nam đã phải trải qua những

năm tháng đấu tranh lâu dài, gian khổ như thế nào để giành lại độc lập, tự do. Bị phong kiến phương Bắc đô hộ từ sau thất bại của Nhà nước Âu Lạc trước cuộc xâm lược của Triệu Đà, nhân dân ta đã phải tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang trong hàng ngàn năm chống chế độ đô hộ, giành lại độc lập cho đất nước qua các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Tự Tiên, Lý Bí - Triệu Quang Phục, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng... Cuộc đấu tranh trường kỳ ấy chỉ kết thúc sau cuộc khởi nghĩa thắng lợi của Khúc Thừa Dụ và tiếp đó là chiến công đánh bại quân xâm lược Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938 và năm sau Ngô Quyền xưng vương, khẳng định nền độc lập của dân tộc. Với sự kiện quan trọng này, Ngô Vương Quyền được nhà yêu nước Phan Bội Châu tôn vinh là "Vị tổ trung hưng thứ nhất" của dân tộc Việt Nam.

Nền độc lập của dân tộc Việt Nam phát triển bền vững qua các thời kỳ Ngô - Đinh - Tiền Lê - Lý - Trần với biết bao võ công hiển hách chống giặc ngoại xâm. Nhưng đến đầu thế kỷ XV, khi đất nước rơi vào

*PGS.TS. Viện Sử học.

cuộc khủng hoảng xã hội sâu sắc, nhà Hồ không huy động được sức mạnh toàn dân trong cuộc kháng chiến chống xâm lược nên nước ta rơi vào ách đô hộ của nhà Minh.

Đê giành lại nền độc lập đã mất, nhân dân ta liên tiếp nổi lên khởi nghĩa ở khắp nơi, trong đó lớn nhất là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo. Trải bao năm tháng "*ném mật, nắm gai*", "*Dựng gậy làm cờ, dân chúng bốn phương tụ hội. Hòa rượu cùng uống, binh sĩ một dạ cha con*" (Nguyễn Trãi - *Bình Ngô Đại Cáo*), khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi. Đất nước giành lại độc lập. Bài học về vai trò của lực lượng vũ trang trong mối liên kết chặt chẽ giữa nghĩa quân với nhân dân trong cuộc chiến đấu chống ngoại xâm đã là bài học sâu sắc cho các thế hệ đương thời và tương lai.

Đầu thế kỷ XIX, sau khi đánh bại nhà Tây Sơn, nhà Nguyễn giành được chính quyền. Nhà Nguyễn có nhiều cố gắng trong việc ổn định tình hình đất nước sau nhiều năm chiến tranh, song do chủ yếu lo tăng cường sức mạnh của dòng họ cai trị để đối phó với các lực lượng chống đối mà không dồn được sức lực cho việc phát triển đất nước, lại có những chủ trương sai lầm về đối nội, đối ngoại nên đã làm mất đi khả năng vươn lên của đất nước theo xu thế chung của thời đại và đã làm suy kiệt sức đề kháng của dân tộc trước sự xâm lược của thực dân phương Tây, để đất nước rơi vào tay thực dân Pháp.

Không chịu cảnh nô lệ cho giặc ngoại xâm, nhân dân ta đã liên tiếp nổi lên chống ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp, bất chấp sự đàn áp của kẻ thù. Các cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra: Khởi nghĩa Trương Định, khởi nghĩa Phan Đình Phùng, khởi nghĩa Hoàng Hoa Thám... Nhưng tất cả các cuộc khởi nghĩa ấy đều bị thực dân Pháp dìm trong biển máu. Con

đường cứu nước của dân tộc Việt Nam rơi vào bế tắc, không có đường ra. Các cuộc vận động Duy tân, Đông du, các hoạt động sôi nổi của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và nhiều nhà yêu nước khác cũng đều bị giặc đàn áp rất dã man.

Sự bế tắc ấy chỉ được giải quyết khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc và tiếp đó là những thanh niên yêu nước đi theo tiếng gọi của Người tìm thấy con đường cứu nước theo ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười, của chủ nghĩa Mác-Lênin. Con đường ấy, như đồng chí Nguyễn Ái Quốc xác định: "Chỉ có thể là con đường cách mạng vô sản". Để giành thắng lợi cho cách mạng, trong tác phẩm *Đường cách mệnh* viết năm 1927, đồng chí Nguyễn Ái Quốc nêu rõ: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, bạo lực của quần chúng tuyệt đối không phải là việc manh động, phiêu lưu của một số người. Bạo lực cách mạng phải dựa trên cơ sở của lực lượng vũ trang... Chính vì vậy, tháng 6 năm 1929, trong *Tuyên ngôn* của Đông Dương Cộng sản Đảng và tháng 2 năm 1930, trong *Chánh cương vắn tắt* của Đảng Cộng sản Việt Nam, đều nêu nhiệm vụ "Tổ chức ra *Quân đội công nông*" (1).

Sau đó, trong bản *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* tháng 10 năm 1930 cũng nêu rõ: Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập và xóa bỏ chế độ phong kiến, đem lại ruộng đất cho nông dân. Hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến quan hệ khăng khít với nhau. Có đánh đuổi đế quốc mới xóa bỏ được chế độ phong kiến và có xóa bỏ chế độ phong kiến mới đánh đổ được đế quốc. Động lực chủ yếu của cách mạng là công nhân và nông dân. Đảng phải thành lập quân đội công nông (2) để tiến hành đấu tranh vũ trang.

Thấy rõ tầm quan trọng của lực lượng vũ trang trong sự nghiệp giải phóng đất nước, nhiều phong trào cách mạng của nhân dân ta đều chú ý đến việc xây dựng lực lượng vũ trang: Trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, nhiều đảng bộ ở Nghệ An và Hà Tĩnh đã lựa chọn các phần tử ưu tú, có tinh thần hăng hái, can đảm trong công hội, nông hội, Đoàn Thanh niên Cộng sản để lập ra *Đội tự vệ* có nhiệm vụ bảo vệ xóm làng và hỗ trợ cho lực lượng chính trị trong các cuộc đấu tranh chống chính quyền thực dân - phong kiến...

Trong cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn năm 1940, dưới sự chỉ đạo của Xứ uỷ Bắc Kỳ, Đảng bộ địa phương đã tập hợp các chiến sĩ tự vệ của cuộc khởi nghĩa cùng với một số quân chúng hăng hái, tích cực tổ chức *Quân du kích* làm lực lượng nòng cốt cho cuộc khởi nghĩa. Với việc coi trọng các hoạt động vũ trang và nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, khởi nghĩa Bắc Sơn đã thực sự nổ tiếng súng đầu tiên báo hiệu thời kỳ đấu tranh vũ trang mới của dân tộc Việt Nam. Và chính từ cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã ra đời đứa con đầu lòng của lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng: *Đội du kích Bắc Sơn*.

Trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, dưới sự lãnh đạo của Xứ uỷ Nam Kỳ, các cấp uỷ Đảng đã kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng nửa vũ trang của quần chúng để tiến công địch. Từ trong phong trào cách mạng, các đội du kích được lập nên ở khắp nơi bao gồm nhiều đảng viên, quân chúng tích cực... Cùng với quần chúng khởi nghĩa, *Quân du kích Nam Kỳ* đã chiến đấu vô cùng gan dạ, nêu nhiều tấm gương về tinh thần chiến đấu kiên cường, dũng cảm. *Quân du kích Nam Kỳ* là một trong những lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên của nhân dân ta.

Cùng với khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ đã nổi lên tiếng kèn báo hiệu thời kỳ đấu tranh vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang nhằm giành thắng lợi về vang cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Từ thực tiễn hoạt động của Tự vệ đỏ, Đội du kích Bắc Sơn, du kích Nam Kỳ, Đảng ta đã rút ra bài học: Dù chiến đấu rất dũng cảm, không quản ngại hy sinh gian khổ, do đó đã góp phần bảo vệ cán bộ, bảo vệ quần chúng cách mạng, hạn chế những thiệt hại do địch gây ra, nhưng hoạt động của các tổ chức vũ trang còn có những hạn chế vì chưa thống nhất trong xây dựng và phát triển lực lượng, hoạt động còn phân tán, thiếu hợp đồng trong chiến đấu... Vì vậy, tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII tháng 5 năm 1941 do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì, Trung ương Đảng ta nêu rõ: "*Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang...*" và muốn tổ chức cuộc khởi nghĩa vũ trang ấy cần một số điều kiện, trong đó có điều kiện "*Phải có những tiểu tổ du kích, du kích chính thức...*" (3).

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VIII của Đảng, nhiều Đảng bộ địa phương đã ra sức mở rộng và củng cố các đội tự vệ, sau đó lựa chọn những đội viên ưu tú tổ chức ra các tiểu tổ du kích, và coi "*Tiểu tổ du kích là hình thức mấu chốt để tiến lên đội du kích chính thức*".

Đầu năm 1942, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến chuyển quan trọng. Trên thế giới, các lực lượng phát xít thất bại ở nhiều nơi và bị đẩy vào thế bị tiêu diệt hoàn toàn. Ở nước ta phong trào đánh Pháp, đuổi Nhật ngày càng lan rộng. Điều kiện cho việc đẩy mạnh sự nghiệp giải phóng đất nước ngày càng thuận lợi. Chính vì vậy, từ ngày 25 đến ngày 28 tháng 2

năm 1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp, ra quyết định củng cố và phát triển Mặt trận Việt Minh, đồng thời ra sức chuẩn bị khởi nghĩa.

Hội nghị nhận định rằng: Lúc này chúng ta đang ở "*Vào tình thế khẩn cấp (chiến tranh và cách mạng)*" (4) và do đó phải tích cực thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VIII (5-1941): Chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và dân ta trong giai đoạn hiện tại.

Để chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng chỉ thị: Phải tuyên truyền cho quần chúng nhân dân tin tưởng vững chắc vào cách mạng; phổ biến cho nhân dân chiến thuật du kích và kinh nghiệm khởi nghĩa; Phải đưa quần chúng ra đấu tranh bằng nhiều hình thức từ thấp đến cao để tập dượt cho quần chúng, "Đưa quần chúng tiến tới khởi nghĩa" (5); Phải tổ chức và củng cố các đội tự vệ và tiểu đội du kích, đồng thời "*phải huấn luyện quân sự cho những tổ chức ấy*" (6).

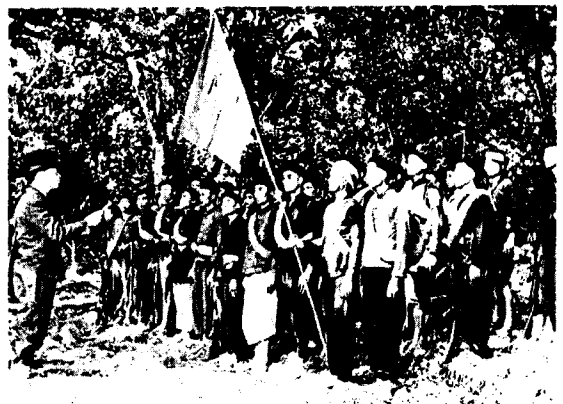
Để tăng cường lực lượng vũ trang cách mạng, tháng 12-1944 lãnh tụ Hồ Chí Minh viết bản *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân*. Bản Chỉ thị nêu rõ: "*Trong khi tập trung lực lượng để lập một quân đội đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ dìu dắt cán bộ vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể làm được cho các đội này trưởng thành mãi lên. Đối với các đội vũ trang địa phương: Đưa các cán bộ địa phương về huấn luyện, tung các cán bộ đã huấn luyện đi các địa phương, trao đổi*

kinh nghiệm, liên lạc thông suốt, phối hợp chiến" (7).

Bản Chỉ thị thành lập đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân còn nêu lên nhiều vấn đề chủ yếu về đường lối quân sự của Đảng như: Vấn đề kháng chiến toàn dân, động viên và vũ trang toàn dân, nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, phương châm xây dựng ba thứ quân, phương thức hoạt động kết hợp quân sự với chính trị của lực lượng vũ trang, nguyên tắc tác chiến và chiến thuật du kích của lực lượng vũ trang.

Trong không khí khẩn trương chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa đang đến gần, ngày 22 tháng 12 năm 1944, tại một khu rừng giữa hai Tổng Hoàng Hoa Thám và Trần Hưng Đạo thuộc châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, đồng chí Võ Nguyên Giáp, theo sự ủy nhiệm của Trung ương Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh tuyên bố thành lập *Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân*. Đội gồm 34 đồng chí, có Chi bộ đảng lãnh đạo, do đồng chí Hoàng Sâm làm đội trưởng và đồng chí Xích Thắng làm chính trị viên.

Với việc thành lập *Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân* và trước đó là các *đội Cứu quốc quân I, II, III*, hệ thống tổ chức



Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân

lực lượng vũ trang cách mạng gồm ba thứ quân đã bước đầu hình thành, bao gồm: *Đội quân chủ lực* của khu căn cứ Cao Bằng - Bắc Cạn - Lạng Sơn, các *đội du kích tập trung* của các tỉnh, huyện và lực lượng tự vệ cứu quốc, tự vệ chiến đấu ở các làng xã.

Sau đó không lâu, để thống nhất và phát triển các đơn vị vũ trang nhằm chuẩn bị lực lượng quân sự cho Tổng khởi nghĩa sắp đến, ngày 15-5-1945, thực hiện Nghị quyết của Hội nghị quân sự Bắc Kỳ, lực lượng bộ đội chủ lực mang tên *Việt Nam Giải phóng quân* ra đời trên cơ sở thống nhất *Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân* với các đơn vị *Cứu quốc quân* và các đơn vị vũ trang tập trung trong cả nước.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự hưởng ứng, giúp đỡ, đùm bọc của nhân dân, *Việt Nam Giải phóng quân* không ngừng phát triển. Ở nhiều tỉnh, huyện đã lần lượt thành lập các đơn vị Giải phóng quân địa phương.

Trong những ngày tháng Tám năm 1945 lịch sử, chính các lực lượng vũ trang nhân dân ta, trước hết là *Việt Nam Giải phóng quân* đã làm nòng cốt cho toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã dẫn đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử dân tộc: Thời kỳ độc lập, tự do và xã hội chủ nghĩa.

Như chúng ta thấy, để tiến tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, từ nhiều năm trước, công tác xây dựng lực lượng vũ trang được tiến hành liên tục, khẩn trương ở khắp nơi từ nhỏ đến lớn theo đường lối Cách mạng của Đảng. Từ các *Đội du kích*, *Cứu quốc quân* rồi *Đội Việt Nam*

tuyên truyền Giải phóng quân đến *Việt Nam Giải phóng quân*, lực lượng vũ trang đã phát triển và ngày càng lớn mạnh. Sự lớn mạnh ấy gắn liền với nhịp độ phát triển của phong trào quần chúng, của việc mở rộng căn cứ địa cách mạng, chiến khu, khu giải phóng. Trong quá trình khởi nghĩa, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã thực sự đóng vai trò nòng cốt và kết hợp chặt chẽ với lực lượng quần chúng nổi dậy, tạo nên sức mạnh to lớn của Cách mạng áp đảo phát xít Nhật và bè lũ tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân.

Đã sáu mươi năm trôi qua, kể từ ngày ra đời 22-12-1944, và mang những tên gọi khác nhau: *Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân*, *Việt Nam Giải phóng quân*, *Quốc đoàn*, *Quân đội Quốc gia Việt Nam* và *Quân đội Nhân dân Việt Nam*, *Quân đội anh hùng* của chúng ta luôn xứng đáng là một *Quân đội Nhân dân*, vì nhân dân mà chiến đấu và công tác. *Quân đội* ấy đã luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao: Cùng nhân dân vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, bảo vệ vững chắc chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc.

Sự ra đời của *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* - *Đội quân chủ lực đầu tiên* của *Quân đội Nhân dân Việt Nam* ngày 22 tháng 12 năm 1944, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng vẻ vang của nhân dân ta và là một tất yếu lịch sử. Đây là một trong những sự kiện nổi bật trong Cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta trong thế kỷ XX. Từ đây, Đảng và nhân dân ta có được một quân đội kiểu mới của dân, do dân và vì dân, trở thành một trong những nhân tố quyết định đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, bảo vệ vững chắc Tổ quốc thân yêu.

(Tiếp theo trang 61)

vì 30 năm xây dựng CNXH kiểu cũ (1949-1978) Trung Quốc đã trải qua biết bao nhiêu khó khăn trong việc thực hiện mô hình kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp và 26 năm (1978-2004) Trung Quốc đã thành công và gạt hái những thành quả của công cuộc cải cách - mở cửa, xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc. Hiện nay, cả thế giới đều biết đến Trung Quốc như một sự thần kỳ, như Napoléon đã từng nói: Khi con sư tử phương Đông (ý chỉ Trung Quốc-TG) đã bừng tỉnh, thì cả thế giới đều phải

kinh ngạc về sự thần kỳ của nó... Nhìn lại một chặng đường phát triển vừa qua, Trung Quốc đã thu được những thành tựu rực rỡ, song cũng gặp phải không ít những thách thức, trở ngại. Nhưng theo chúng tôi, với một tinh thần vượt non, chuyển núi, với sự lãnh đạo sáng tạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, với sự đoàn kết nhất trí cao của toàn dân, nhất định Trung Quốc sẽ vượt qua những thách thức, rào cản đó và trong tương lai Trung Quốc sẽ là cường quốc hàng đầu về kinh tế trên thế giới.

CHÚ THÍCH

(1), (3), (6). Đinh Công Tuấn. *Quá trình cải cách kinh tế - xã hội của CHND Trung Hoa từ 1978 đến nay*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 15-16, 135, 26.

(2), (4). *Lịch trình nước Trung Quốc mới (từ 1-10-1949 đến 1-10-1989)*. Nxb. Đại học Nhân dân Trung Quốc, Bắc Kinh, 1989, tr. 59, 177.

(5). Nguyễn Đức Sự (Chủ biên). *Trung Quốc trên đường cải cách*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 24.

(7). Lý Thiết Anh. *Cải cách và mở cửa ở Trung Quốc*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr. 9.

(8). Kystyna Palonka. *Trung Quốc trôi dạt - Thách thức mới đối với ASEAN và ASEM*, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 5 (59) 2004, tr. 78-89.

(9). Đinh Công Tuấn. *Những bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện cải cách và mở cửa ở Trung Quốc*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 7-2004, tr. 58-66.

(10), (11). Nguyễn Văn Hồng (Chủ biên). *Trung Quốc cải cách mở cửa - Những bài học kinh nghiệm*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003, tr. 6, 8.

(12). Kystyna Palonka. *Trung Quốc trôi dạt - Thách thức mới đối với ASEAN và ASEM*. Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 5 (59) 2004, tr. 78-89.

(13). Tê Kiến Quốc. *Về những thành tựu cải cách mở cửa của Trung Quốc*. Trong: "Trung Quốc cải cách mở cửa - Những bài học kinh nghiệm". Sđd, tr. 5-10.

(14). Tin Kinh tế của TTXVN ngày 1-9-2004.

THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 7)

CHÚ THÍCH

(1). Xem: *Chánh cương vắn tắt của Đảng. Trong Văn kiện Đảng. Toàn tập. Tập 2*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 2.

(2). Xem: *Luận cương Chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong Văn kiện Đảng. Toàn tập. Tập 2*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 95.

(3). *Trung ương Hội nghị lần thứ VIII Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong Văn kiện Đảng. Toàn*

tập. Tập 7. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 130.

(4), (5), (6). *Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (họp ngày 25 - 28/2/1943). Trong Văn kiện Đảng. Toàn tập. Tập 7*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 298, 299.

(7). Hồ Chí Minh, *Toàn tập. Tập 3*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 507.